

Số: 66 /2012/QĐ-UBND

Hung Yên, ngày 16 tháng 8 năm 2012

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc Quy định mức thu phí qua phà**  
**trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND số 11/2003/QH11 ngày 26/11/2003;  
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH12 ngày 16/12/2002;  
Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001  
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002  
quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí; số 24/2006/NĐ-CP ngày  
06/3/2006 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-  
CP quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: số 63/2002/TT-BTC ngày  
24/7/2002 hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; số  
45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-  
BTC ngày 24/7/2002 hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ  
phí;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2012/NQ-HĐND ngày 20/7/2012 của HĐND tỉnh  
về việc điều chỉnh mức thu phí qua phà trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 118/TT-STC ngày  
29/5/2012 về việc đề nghị phê duyệt điều chỉnh mức thu phí qua phà trên địa  
bàn tỉnh Hưng Yên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định mức thu phí qua phà trên địa bàn tỉnh Hưng Yên như sau:

**1. Mức thu:**

Đơn vị tính: Đồng/lượt

| Stt | Đối tượng thu                         | Mức thu          |                  |
|-----|---------------------------------------|------------------|------------------|
|     |                                       | Qua sông<br>Luộc | Qua sông<br>Hồng |
| 1   | Người đi bộ                           | 1.000            | 2.000            |
| 2   | Người đi xe đạp                       | 3.000            | 4.000            |
| 3   | Người đi xe máy:                      |                  |                  |
|     | - Không chở hàng                      | 5.000            | 6.000            |
|     | - Có chở hàng                         | 7.000            | 8.000            |
| 4   | Xe ô tô từ 4 chỗ ngồi trở xuống       | 20.000           | 25.000           |
| 5   | Xe ô tô từ 5 chỗ ngồi đến dưới 24 chỗ | 25.000           | 30.000           |
| 6   | Xe ô tô từ 24 chỗ ngồi trở lên        | 30.000           | 35.000           |

|    |   |         |         |
|----|---|---------|---------|
| 7  | Xe ô tô trọng tải dưới 1,5 tấn:           |         |         |
|    | - Không chở hàng                          | 25.000  | 30.000  |
|    | - Có chở hàng                             | 30.000  | 35.000  |
| 8  | Xe ô tô trọng tải từ 1,5 tấn đến 3,5 tấn: |         |         |
|    | - Không chở hàng                          | 30.000  | 35.000  |
|    | - Có chở hàng                             | 40.000  | 45.000  |
| 9  | Xe ô tô trọng tải trên 3,5 tấn đến 5 tấn: |         |         |
|    | - Không chở hàng                          | 35.000  | 40.000  |
|    | - Có chở hàng                             | 45.000  | 50.000  |
| 10 | Xe ô tô trọng tải trên 5 tấn đến 10 tấn:  |         |         |
|    | - Không chở hàng                          | 45.000  | 50.000  |
|    | - Có chở hàng                             | 60.000  | 65.000  |
| 11 | Xe ô tô trọng tải trên 10 tấn:            |         |         |
|    | - Không chở hàng                          | 70.000  | 75.000  |
|    | - Có chở hàng                             | 120.000 | 130.000 |
| 12 | Trâu, bò, bê, nghé                        | 5.000   | 6.000   |

**2. Chế độ quản lý, sử dụng phí thu được:**

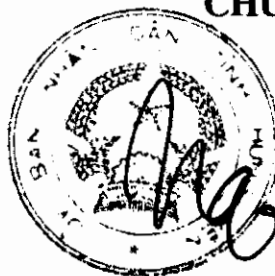
- Đơn vị thu phí qua phà là đơn vị sự nghiệp không được nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, được sử dụng 100% số phí thu được.

- Các doanh nghiệp, tổ chức hoặc cá nhân kinh doanh phà chuyên chở qua sông, số phí thu được là doanh thu của doanh nghiệp, tổ chức hoặc cá nhân.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành; các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Tài chính, Kho bạc nhà nước tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; các đơn vị sự nghiệp thực hiện việc chuyên chở và thu phí phà qua sông; các doanh nghiệp và cá nhân kinh doanh phà chuyên chở qua sông trên địa bàn tỉnh Hưng Yên và thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành. *a*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Văn Thông*

**Nguyễn Văn Thông**

**Nơi nhận:**

- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT; CV: TH<sup>T</sup>.